

Số: 03/2019/QĐST-DS

T, ngày 12 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 09/7/2019;

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn*: Ông A M, sinh năm 1959;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Thỏa thuận ông A M trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Chị H không yêu cầu tính lãi suất.

Thời hạn trả nợ chia thành 02 lần, cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Trả 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) vào ngày 30/8/2019;

Lần 2: Trả 12.500.000đ (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*) vào ngày 30/9/2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ thời điểm mà các đương sự thỏa thuận và chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông A M chưa trả đủ số tiền nêu trên thì ông A M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Ông A M có đơn xin miễn nộp án phí và là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự: 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2010/0004299 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Bình Thanh